

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2017/DS-ST
Ngày: 15-9-2017
V/v Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Chung
2. Bà Vương Thị Huyền

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Giáp Thị Thu Ly là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Ông Mai Văn Cường - Kiểm sát viên

Trong các ngày 06 và ngày 15 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2017 về “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2017/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 172/2017/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970, địa chỉ: số 07, Xóm 4, thôn 7, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973; địa chỉ: tổ dân phố 12, thị trấn D, huyện D. (*Văn bản ủy quyền ngày 08/9/2017*). Có mặt

2. Bị đơn: Ông Lê Văn Th, sinh năm 1969, địa chỉ: số 210, Quốc lộ 28, Thôn 9, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ngày 15/12/2009 bà có cho ông Th vay số tiền là 7.500.000đ, khi vay hai bên không lập giấy vay tiền, không thỏa thuận lãi suất và hạn đến ngày 31/12/2009 sẽ trả toàn bộ khoản nợ nêu trên. Do không trả được nợ đến ngày 20/01/2010 ông Th có lập cho bà một bản viết tay có tiêu đề “*Giấy cam kết thế chấp*” công nhận vay của bà số tiền 7.500.000đ vào ngày 15/12/2009 với mức lãi suất 2%/tháng, hạn đến ngày 30/3/2010 sẽ trả toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi. Nếu đến hạn mà ông Th không trả được nợ thì ông Th sẽ giao cho bà diện tích đất trồng cây cà phê là 1000m² tọa lạc tại thôn 9, xã T, huyện D để cầm trừ khoản nợ vay trên.

Do đến hạn ông Th không trả được nợ vay nên ngày 01/4/2010 ông Th đã giao cho bà quản lý và sử dụng diện tích đất trồng cây cà phê là 1000m² tọa lạc tại thôn 9, xã T, huyện D để cầm trừ nợ và ông Th hứa sẽ làm thủ tục chuyển nhượng đất cho bà. Việc giao nhận đất chỉ được thỏa thuận miệng mà không được lập thành văn bản. Tuy nhiên, đến tháng 5/2016 ông Th đã tự ý lấy lại diện tích đất đã giao cho bà quản lý và sử dụng mà không báo cho bà biết.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Th có trách nhiệm trả cho bà số tiền 7.500.000 đồng và tiền lãi suất là 1,125%/tháng trên nợ gốc kể từ ngày 30/03/2010.

Tại bản tự khai ngày 07/3/2017, bị đơn ông Th trình bày:

Ông thừa nhận ngày 15/12/2009 ông có vay tiền của bà H như lời trình bày của bà H là đúng, hai bên thỏa thuận nếu không trả được nợ ông sẽ giao cho bà H diện tích đất trồng cây cà phê là 1000m² tọa lạc tại thôn 9, xã T, huyện D để cầm trừ nợ, tuy nhiên đến tháng 5.2016 ông đã lấy lại diện tích đất này và chưa trả nợ như bà H trình bày tại Tòa án là đúng. Nay bà H khởi kiện yêu cầu ông có trách nhiệm trả cho bà số tiền 7.500.000 đồng và mức lãi suất là 1,125%/tháng trên nợ gốc kể từ ngày 30/3/2010 thì ông chỉ đồng ý trả tiền gốc là 7.500.000 đồng nhưng không đồng ý trả lãi, bởi lẽ bà H đã được thu hoa lợi trên đất từ năm 2010 đến cho đến hết năm 2015.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải vào ngày 20/6/2017 nhưng bị đơn ông Th vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện cho bà H là ông H giữ nguyên giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H; buộc ông Th có trách nhiệm trả cho bà H số tiền vay là 7.500.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định pháp luật. Về án phí: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Th theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc bà Đoàn Thị P, là người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt thì coi như từ bỏ việc ủy quyền. Mặt khác, bà H cũng đã ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H tham gia tố tụng nên cần tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung

[2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Do ngày 15/12/2009 bà H cho ông Th vay số tiền là 7.500.000 đồng, hạn đến ngày 31/12/2009 trả. Do đến hạn ông Th không trả được nợ đến ngày 20/01/2010 ông Th có lập cho bà H một bản viết tay có tiêu đề “Giấy cam kết thế chấp” công nhận vay của bà số tiền 7.500.000đ vào ngày 15/12/2009 với mức lãi suất 2%/tháng, hạn đến ngày 30/3/2010 sẽ trả toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi. Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Th có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc là 7.500.000 đồng và lãi suất trên nợ gốc là 1,125%/tháng tính từ ngày 30/03/2010 nên căn cứ Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có đủ cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”. Theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D.

[3] Xét thời điểm các đương sự giao dịch là năm 2010 nên cần áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án. Theo Giấy cam kết thế chấp (Bút lục số 18-19) do bà H xuất trình thể hiện ông Th còn nợ bà H số tiền gốc là 7.500.000 đồng và tiền lãi. Tại bản tự khai ngày 07/3/2017 tại Tòa án ông Th thừa nhận chữ ký xác nhận nợ trong giấy cam kết thế chấp nợ do bà H xuất trình thì ông có ký xác nhận và thừa nhận còn nợ bà H số tiền là 7.500.000 đồng theo như giấy cam kết thế chấp và đồng ý trả tiền nợ gốc nhưng không đồng ý trả tiền lãi. Do đó, đã có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc ông Th có trách nhiệm trả cho bà H số tiền nợ là 7.500.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự

[4] Về lãi suất, tại phiên tòa hôm nay ông H là người đại diện cho bà H yêu cầu tính lãi suất của khoản vay số tiền 7.500.000 đồng kể từ ngày 30/03/2010 đến ngày xét xử hôm nay với mức lãi suất là 1,125%/tháng x 89 tháng 15 ngày là 7.550.000 đồng. Xét yêu cầu tính lãi trên phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 nên cần chấp nhận. Như vậy, tổng số tiền cần buộc ông Th phải có nghĩa vụ trả cho bà H là 14.550.000 đồng.

Từ những phân tích trên, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc ông Th có trách nhiệm trả cho bà H số tiền là 14.550.000 đồng.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận toàn bộ nên bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà H.

Ông Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho bà H là 727.500 đồng (14.550.000 đồng x 5%)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 474, Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Buộc ông Lê Văn Th có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 14.550.000 đồng. (*Mười bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự

2. Về án phí:

2.1. Bà Nguyễn Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 512.500 đồng (*Năm trăm mười hai nghìn năm trăm đồng*) theo biên lai thu số AA/2015/0004314 ngày 20 tháng 02 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh.

2.2. Ông Lê Văn Th phải chịu 727.500 đồng (*Bảy trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Đương sự;
- Lưu: VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Hoàn

